

Bản án số: 267/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2026

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Thành

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Ny – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1991; Trú tại: K59/4/8 N, phường H, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; Trú tại: Phòng 406 Chung cư số 4 đường K, phường S, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn D kết hôn với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông nay là phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng được một thời gian đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là ông D có hành vi nghiện ngập và bạo lực gia đình. Mặc dù đã có nhiều cố gắng để hàn gắn mối quan hệ nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Nay bà H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 10/6/2015; Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2016 và Nguyễn Văn Bảo L, sinh ngày 30/10/2020. Ly hôn bà H đề nghị trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn D nhưng ông D không có ý kiến phản hồi. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại các phiên tòa ông D đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 23/3/2026 tại tổ dân phố số 21N, phường Sơn Trà thể hiện vợ chồng ông D bà H trước đây có đăng ký kết hôn và cư trú tại phòng 406 Chung cư số 4 đường Khúc Hạo, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tuy nhiên sau đó có mâu thuẫn nên hiện nay bà H không còn cư trú tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn địa phương không nắm. Về con chung như bà H trình bày tại đơn là đúng, về tài sản và nợ chung địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho các bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến phản hồi và tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của bà H, ông D là hợp pháp. Nay bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị giải quyết ly hôn. Cùng với đơn khởi kiện bà H cung cấp nhiều tin nhắn để chứng minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác minh cũng thể hiện bà H và ông D đã sống ly thân, hôn nhân thực tế không còn nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung, theo trình bày của bà H và xác nhận của địa phương thể hiện vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 10/6/2015; Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2016 và Nguyễn Văn Bảo L, sinh ngày 30/10/2020. Ly hôn bà H đề nghị trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án ông D không có ý kiến phản hồi và cũng không tranh chấp gì về vấn đề con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cả 3 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn trình bày không có và bị đơn cũng không có ý kiến gì nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn D cư trú tại phường S, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, bạo lực gia đình vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay. Tòa án cũng đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D và mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải để động viên vợ chồng về cùng chung sống, nuôi dạy con cái nhưng ông D không có ý kiến phản hồi, không đến Tòa án. Tại các phiên tòa ông D đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; Theo xác nhận của bà H và kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng ông D, bà H không còn chung sống với nhau, hôn nhân thực tế không còn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Giữa bà H và ông D có 03 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 10/6/2015; Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2016 và Nguyễn Văn Bảo L, sinh ngày 30/10/2020. Ly hôn bà H đề nghị trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông D đã được Tòa án thông báo về nội dung này nhưng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Theo trình bày của bà H thì hiện nay các con chung đều ở chung với ông D và ông bà nội tại phòng 406 Chung cư số

4, đường Khúc Hạo, phường Sơn Trà, bà luôn tôn trọng ý kiến, yêu cầu của ông D về vấn đề con cái. Nếu ông D đề nghị trực tiếp nuôi con thì bà sẵn sàng đồng ý. Nội dung này Hội đồng xét xử thấy rằng việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ gắn liền với vấn đề nhân thân và điều kiện của từng bên. Trong vụ án này ông D không đến Toà án và cũng không có văn bản tranh chấp gì về quyền nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết giao con cho ông D nuôi dưỡng. Đối với bà Nguyễn Thị Minh H có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Khi phát sinh tranh chấp về quyền nuôi con thì ông D có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H với ông Nguyễn Văn D về việc ly hôn và nuôi con chung.

Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 10/6/2015; Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/11/2016 và Nguyễn Văn Bảo L, sinh ngày 30/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm

sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000184 ngày 08/01/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Đương sự;
- UBND phường Sơn Trà;
- (Đk ngày 17/6/2014);
- THA DS Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

TAND KHU VỰC 2



ZRK120526.TL.QDBA
1147

